

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

-----***-----

Bản án số: 31/2020/HC-PT

Ngày: 18/02/2019

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Bảo Vĩnh;

Ông Phạm Văn Tuyền.

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Toà
án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị
Thu Hà, Kiểm sát viên.*

Ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà
Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý
số 293/2019/TLPT-HC ngày 27 tháng 8 năm 2020, do có kháng cáo của người
khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2019/HCST ngày 17 tháng 7
năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 825/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng
02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: Thôn CB, xã HT, huyện
TG, Thanh Hóa.

2. Người bị kiện: UBND huyện TG Thanh Hóa

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã HT, huyện
TG, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, người khởi kiện là
ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Nguồn gốc diện tích đất gia đình ông bị UBND huyện TG thu hồi năm 2015 là nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị G năm 2010, trên đất đã có nhà ở trước ngày 18/12/1980. Tại bản đồ địa chính xã đo vẽ năm 1996 thửa đất của bà G thuộc thửa 21, tờ bản đồ số 8, diện tích 2362m², loại đất thổ cư có nhà ở (T), sổ mục kê sử dụng là ông Cao Văn K (chồng bà G). Năm 2010, gia đình bà Nguyễn Thị G chuyển nhượng cho ông một phần diện tích của thửa đất là 187,7m². Trong đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/11/2010, bà G ghi: Chuyển nhượng 170m² đất vườn đã được quyền sử dụng đất ở. Sau khi nhận chuyển nhượng thì gia đình ông canh tác liên tục và nộp thuế đất ở cho nhà nước hàng năm. Đến tháng 02/2014 gia đình ông xây dựng nhà, đang xây dựng thì tháng 4/2014, UBND huyện TG có quyết định thu hồi đất và tài sản trên đất. Quyết định số 1058 của UBND huyện TG cho rằng đất của gia đình ông là đất lâu năm khai hoang đơn giá chỉ trả là 27.000 đồng/m² và vật kiến trúc x 0,7. Gia đình ông không đồng ý với quyết định trên. Tháng 10/2015, UBND huyện TG gửi thông báo số 516 về việc bàn giao mặt bằng tại thửa đất số 24 tờ bản đồ số 03, gia đình ông không đồng ý với thông báo số 516 nên đã làm đơn khiếu nại đến UBND xã HT và Ban GPMB Khu kinh tế NS - UBND huyện TG, đến ngày 27/11/2017 UBND huyện TG ra quyết định số 7160 về việc đính chính lại quyết định số 1058 xác định diện tích đất gia đình ông bị thu hồi là đất vườn liền kề đất ở nhưng gia đình ông cũng không nhất trí với quyết định này.

Ông N khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 13/4/2015; Quyết định số 7160/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 và Quyết định số 7162/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện TG; Buộc UBND huyện TG bồi thường cho gia đình ông bằng giá đất ở theo diện tích bị thu hồi; Buộc UBND huyện TG thực hiện chính sách hỗ trợ, tái định cư, chuyển đổi nghề sau khi bị thu hồi đất.

Tại Công văn số 535/UBND-GPMB ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại các phiên đối thoại người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện TG trình bày:

Thửa đất hộ ông Nguyễn Văn N đang sử dụng là thửa số 24, TĐĐ số 03 được Giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa phê duyệt ngày 16/8/2014, diện tích nguyên thửa 187,7m², diện tích thu hồi 187,7m², loại đất ONT. Theo bản đồ 299 xã HT đo vẽ năm 1986 đo bao thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 02, diện tích 74.660m² thể hiện là đất thổ cư (T). Bản đồ địa chính xã HT đo vẽ năm 1996 thuộc thửa 21, tờ bản đồ số 8, diện tích 2362m², loại đất thổ cư có nhà ở (T), sổ mục kê thể hiện chủ sử dụng là Cao Văn K. Bản đồ địa chính xã HT đo vẽ năm 2011, thuộc thửa 43, tờ bản đồ số 53, diện tích 547,3m², thể hiện loại đất có nhà ở (ONT), sổ mục kê thể hiện chủ sử dụng là Nguyễn Thị G (vợ

ông Lê Xuân K1).

Về hồ sơ quyền sử dụng đất: Thửa đất của ông Nguyễn Văn N đang sử dụng nhận chuyển nhượng từ hộ bà Nguyễn Thị G có nguồn gốc trước ngày 18/12/1980. Thửa đất nêu trên đã được cấp GCNQSD đất số 01028 ngày 10/01/1995 ghi tên Lê Xuân K1. Việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông Lê Xuân K1 và nhiều hộ khác vào thời điểm này đã bị thu hồi theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 10/4/1998 của UBND huyện TG do việc cấp GCNQSD đất không đúng trình tự.

Kết quả xác định nguồn gốc đất của UBND xã HT ngày 30/8/2017 xác định thửa đất của hộ ông N đang sử dụng tại thửa số 24, tờ bản đồ số 03 diện tích thu hồi 187,7m² có nguồn gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ bà Nguyễn Thị G và chồng Lê Xuân K1 (đã chết). Diện tích nhận chuyển nhượng là 170m² đất vườn được UBND xã HT xác nhận ngày 25/11/2010. Thửa đất ông Nguyễn Văn N đang sử dụng là đất vườn cùng thửa đất ở của hộ bà Nguyễn Thị G có nguồn gốc hình thành trước ngày 18/12/1980.

Trên cơ sở kết quả kiểm kê hiện trạng tài sản trên đất gồm: Tài sản - VKT, cây cối, căn cứ kết quả xác định nguồn gốc đất của UBND xã HT và loại đất thu hồi. Căn cứ quy định tại phần II, Quyết định số 4925/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4437/QĐ/2016/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, Quyết định số 4545/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, UBND huyện TG ban hành Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 về việc thu hồi đất và Quyết định số 7160/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 về việc đính chính Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của UBND huyện TG về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn N; Quyết định số 7162/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án.

Ngày 15/8/2018 Hội đồng BT-HT&TĐC có văn bản số 355/HĐBT-GPMB về việc trả lời đơn kiến nghị của hộ ông Nguyễn Văn N, thôn CB, xã HT. Ngày 23/8/2018 UBND huyện TG có biên bản làm việc tiếp công dân, đối thoại các ý kiến, kiến nghị của hộ gia đình cá nhân có đất bị ảnh hưởng bởi dự

án đường ĐT4 đi cảng NS trong đó có hộ ông N.

Sau khi xem xét các hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị G (chồng là Lê Xuân K1) và hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N. Việc ông N khởi kiện UBND huyện TG yêu cầu Tòa án hủy Quyết định thu hồi đất và Quyết định số 7162/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án của UBND huyện TG là không có cơ sở giải quyết. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại Công văn số 91/UBND-GPMB ngày 03 tháng 6 năm 2019, tại các phiên đối thoại, người đại diện của UBND xã HT trình bày:

Thông nhất với ý kiến trình bày của UBND huyện TG về nguồn gốc diện tích đất gia đình ông N bị thu hồi. Sau khi xem xét các hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị G và hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N, thì việc ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định thu hồi đất và Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án của UBND huyện TG là không có cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2019/HCST ngày 17/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính. Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về các yêu cầu cụ thể sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của UBND huyện TG ban hành về việc thu hồi đất hộ ông Nguyễn Văn N đang sử dụng tại xã HT để thực hiện Dự án: Đường ĐT4 đi cảng NS - Khu kinh tế NS;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 7160/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện TG về việc đình chỉ Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 13/4/2015;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 7162/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện TG về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ - GPMB thực hiện Dự án: Đường ĐT4 đi cảng NS - Khu kinh tế NS. Địa điểm: Xã NS và xã HT, huyện TG (đợt 14);

- Buộc UBND huyện TG bồi thường cho gia đình ông bằng giá đất ở theo diện tích bị thu hồi;

- Buộc UBND huyện TG thực hiện chính sách hỗ trợ, tái định cư, chuyển đổi nghề sau khi bị thu hồi đất.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 13/4/2015; Quyết định số 7160/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 và Quyết định số 7162/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện TG; Buộc UBND huyện TG bồi thường cho gia đình ông bằng giá đất ở theo diện tích bị thu hồi; Buộc UBND huyện TG thực hiện chính sách hỗ trợ, tái định cư, chuyển đổi nghề sau khi bị thu hồi đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã tuân theo quy định pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có cơ sở pháp luật, Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 13/4/2015; Quyết định số 7160/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 và Quyết định số 7162/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện TG có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Văn N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ; ý kiến của kiểm sát viên và các đương sự về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền, đối tượng và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 04/11/2018, ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 13/4/2015; Quyết định số 7160/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 (đính chính Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 13/4/2015) và Quyết định số 7162/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện TG nên vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật TTHC.

[2]. Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện TG có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 158 của Luật TTHC xét xử vắng mặt UBND huyện TG.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn N:

[3.1]. Về yêu cầu hủy các Quyết định của UBND huyện TG và buộc UBND huyện TG bồi thường cho gia đình ông bằng giá đất ở theo diện tích bị thu hồi:

Nguồn gốc diện tích đất gia đình ông bị UBND huyện TG thu hồi năm 2015 là nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị G năm 2010, trên đất đã có nhà ở trước ngày 18/12/1980. Tại bản đồ địa chính xã đo vẽ năm 1996 thửa đất của bà G thuộc thửa 21, tờ bản đồ số 8, diện tích 2362m², loại đất thổ cư có nhà ở (T), sổ mục kê sử dụng là ông Cao Văn K (chồng bà G). Năm 2010, gia đình bà Nguyễn Thị G chuyển nhượng cho ông N một phần diện tích của thửa đất là 187,7m². Ông N cho rằng theo Luật đất đai 2013 thửa đất của ông K, bà G đương nhiên được công nhận 1000m² đất ở, trừ đi 200m² bà G đã tặng cho trước 1993, còn lại 800m² đất ở phải được chia đều cho các hộ đang sử dụng thửa đất là không có căn cứ. Bởi lẽ, để được công nhận 1000m² đất ở thì ông K, bà G phải đăng ký với Cơ quan có thẩm quyền để được cấp GCNQSDĐ, nhưng ông K bà G đã chết, những người thừa kế của ông bà không thực hiện đăng ký để được cấp GCNQSD đối với thửa đất, hiện tại thửa đất đã được chuyển nhượng cho nhiều hộ sử dụng nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của ông N. Vì vậy, căn cứ khoản 10 Điều 17 Quyết định số 3161/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế NS, tỉnh Thanh Hóa thì việc UBND huyện TG xác định diện tích 187,7m² bị thu hồi thuộc loại đất vườn cùng thửa đất ở là chính xác.

Vì vậy, ngày 13/4/2015, UBND huyện TG ban hành Quyết định số 1058/QĐ-UBND về việc thu hồi đất hộ ông Nguyễn Văn N đang sử dụng tại xã HT để thực hiện Dự án: Đường ĐT4 đi cảng NS - Khu kinh tế NS, huyện TG, nội dung: “ Thu hồi 187,7m² đất trồng cây lâu năm (LNK) của hộ ông Nguyễn Văn N thuộc toàn bộ thửa đất số 24, tờ bản đồ số 03, trích đo địa chính khu đất số 40/TĐĐC-2014, tỷ lệ 1/1000,...”. Ngày 27/11/2017, UBND huyện TG ban hành Quyết định số 7160/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 13/4/2015. Lý do đính chính: Xác định lại loại đất thu hồi của hộ ông N theo Biên bản hội nghị ngày 30/8/2017 UBND xã HT là đất vườn cùng thửa đất ở”. Ngày 27/11/2017, UBND huyện TG ban hành Quyết

định số 7162/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ - GPMB thực hiện Dự án: Đường ĐT4 đi cảng NS - Khu kinh tế NS. Địa điểm: Xã NS và xã HT, huyện TG (đợt 14), nội dung: “ 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đường ĐT4 đi cảng NS - Khu kinh tế NS, huyện TG đoạn qua HT. Tổng kinh phí phê duyệt 398.552.600đ (có phụ lục chi tiết đi kèm)...” là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông N về việc hủy các Quyết định số 1058, 7160 và 7162 của UBND huyện TG và buộc UBND huyện TG bồi thường cho gia đình ông N bằng giá đất ở đối với diện tích đất bị thu hồi. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông N là có căn cứ.

[3.2]. Đối với yêu cầu buộc UBND huyện TG thực hiện chính sách hỗ trợ, tái định cư, chuyển đổi nghề sau khi bị thu hồi đất.

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất 187,7m² hộ ông N bị thu hồi là đất vườn nên không thuộc các trường hợp được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Điều 20); hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở (Điều 21); hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở (Điều 22) mà chỉ được hỗ trợ bằng 50% chênh lệch giữa tiền bồi thường theo đất ở với tiền bồi thường tính theo đất nông nghiệp của thửa đất bị thu hồi theo Quyết định số 3161/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông N.

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, ông N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vi các lẽ trên;

Căn cứ Điều Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính;

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2019/HCTST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Nguyễn Văn Nphải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) đồng. Xác nhận ông N đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004585 ngày 09/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THA Dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Các người khởi kiện, người bị kiện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cường